

XÂY DỰNG HỒ SƠ NĂNG LỰC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN THỂ DỤC CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Đỗ Thị Thái Thanh*, Trương Tấn Hùng, Đào Ngọc Anh
Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Đánh giá, xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên thể dục trong các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc là vấn đề rất cần thiết và quan trọng bởi hiện nay giáo viên thể dục không chỉ là người giảng dạy chuyên môn, giảng dạy động tác mà còn phải có năng lực giải quyết các tình huống giáo dục, kỹ năng tổ chức các hoạt động thể dục thể thao và huy động các thành phần giáo dục khác. Xây dựng được hồ sơ năng lực cho giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc là cơ sở để phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trung học phổ thông nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các nhà trường.

Từ khóa: Năng lực, kỹ năng, đánh giá, giáo dục thể chất, giáo viên thể dục.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Khoa Thể dục thể thao trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã khảo sát thị trường lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc, đối tượng khảo sát chủ yếu gồm: Cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các trường THPT và Tổ trưởng chuyên môn; Giáo viên thể dục. Mục đích khảo sát nhằm xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp của giáo viên thể dục. Nhiệm vụ cụ thể: Khảo sát các năng lực chung, năng lực nghề nghiệp cần có của giáo viên thể dục nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau 2015; Khảo sát năng lực đạt được của giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm xác định năng lực của giáo viên đã đạt được. Trên cơ sở phân tích các số liệu thu được nhóm nghiên cứu đề xuất các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên thể dục các tỉnh miền núi phía Bắc theo định hướng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau 2015.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đề tài sử dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, phương pháp tham vấn chuyên gia, phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; phương pháp sử dụng toán học thống kê. Nghiên cứu tiến hành trên 50 giáo viên giáo dục thể dục và 14 cán bộ quản

lý nhằm đánh giá về năng lực nghề nghiệp của giáo viên thể dục đang công tác tại các đơn vị theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để có được thông tin, dữ liệu đảm bảo tính khách quan nhằm xây dựng hồ sơ năng lực của giáo viên thể dục các tỉnh miền núi phía Bắc theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong tình hình hiện nay. Với mỗi kỹ năng riêng biệt trong các nhóm năng lực, chúng tôi đều yêu cầu người được hỏi đánh giá theo một trong 5 mức độ sau:

Mức 0: Chưa đạt

Mức 1: Tương ứng với biết sử dụng kỹ năng.

Mức 2: Tương ứng với hiểu và vận dụng được kỹ năng

Mức 3: Tương ứng với sử dụng một cách thành thạo kỹ năng.

Mức 4: Tương ứng với sử dụng một cách sáng tạo kỹ năng.

Các số liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS nhằm đưa ra các kết quả thống kê toán học và kiểm định các giả thuyết thống kê trong quá trình khảo sát thực tiễn.

Kết quả phỏng vấn của cán bộ quản lý

Căn cứ vào quy định về chuẩn nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông được ban hành kèm theo Thông tư số

* Tel 0913346012; Email: thuthanh@dhsptn.edu.vn

30/2009/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [1], đề tài lựa chọn phỏng vấn cán bộ quản lý (CBQL) về những năng lực của giáo viên thê dục đã đạt được trong quá trình công tác ở đơn vị, số phiếu phát ra là 14 phiếu, số phiếu thu về là 14, số phiếu hợp lệ là 14. Những năng lực được chúng tôi phỏng vấn là: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục; Năng lực dạy học; Năng lực giáo dục; Năng lực hoạt động chính trị, xã hội; Năng lực phát triển nghề nghiệp và năng lực đặc thù.

Đánh giá về năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục

Nhiệm vụ của giáo viên thê dục ở trường phổ thông không chỉ là nhiệm vụ giảng dạy mà còn là nhiệm vụ quản lý và giáo dục học sinh, vì vậy những kỹ năng mềm cũng rất quan trọng.

Kết quả phỏng vấn cho thấy trong 2 kỹ năng thể hiện năng lực về tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục của giáo viên thê dục đa số đều được các CBQL đánh giá đạt từ mức 1 (biết sử dụng kỹ năng) trở lên với tỉ lệ 100%. Như vậy có thể nhận thấy giáo viên thê dục

đều có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, cũng như tình hình văn hóa xã hội của địa phương đồng thời sử dụng các thông tin đã thu được vào dạy học và giáo dục.

Đánh giá về năng lực dạy học

Kết quả lĩnh hội tri thức, chiếm lĩnh đối tượng học tập phụ thuộc vào ba yếu tố: Trình độ nhận thức của học sinh, nội dung bài giảng, cách dạy của giáo viên. Như vậy có thể thấy năng lực dạy học chính là năng lực quan trọng nhất của người giáo viên, bởi nó ảnh hưởng trực tiếp tới sản phẩm đào tạo của mỗi nhà trường.

Kết quả phỏng vấn cho thấy năng lực dạy học của giáo viên thê dục được trên 70% các CBQL đánh giá đạt mức 2, 3 và 4. Tuy nhiên các năng lực 1, 2 vẫn còn 14,28% CBQL đánh giá giáo viên thê dục chưa đạt, năng lực 5 có 50,0% CBQL đánh giá giáo viên chưa đạt.

Qua điều tra bằng phiếu hỏi 14 CBQL chúng tôi nhận thấy giáo viên thê dục các trường THPT các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung đã đáp ứng được các kỹ năng dạy học theo chuẩn nghề nghiệp do Bộ giáo dục và Đào tạo quy định.

Bảng 1. Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục của giáo viên thê dục (n = 14)

TT	Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Tìm hiểu đối tượng giáo dục	0,0	21,42	14,28	50,0	14,28
2	Tìm hiểu môi trường giáo dục	0,0	14,28	28,57	42,85	14,28

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn năng lực dạy học của giáo viên thê dục (n = 14)

TT	Năng lực dạy học	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Xây dựng kế hoạch dạy học	0,0	14,28	35,71	28,56	21,42
2	Đảm bảo kiến thức môn học	0,0	7,14	35,71	35,70	21,42
3	Đảm bảo chương trình môn học	0,0	14,28	28,57	42,85	7,14
4	Vận dụng các phương pháp dạy học	0,0	14,28	28,57	42,85	7,14
5	Sử dụng các phương tiện dạy học	0,0	0,0	14,28	7,14	78,57
6	Xây dựng môi trường học tập	0,0	14,28	50,0	35,71	0,0
7	Quản lý hồ sơ dạy học	0,0	14,28	50,0	35,71	0,0
8	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh	0,0	0,0	14,28	7,14	78,57

Bảng 3. Đánh giá năng lực giáo dục của giáo viên thể dục (n = 14)

TT	Năng lực giáo dục của giáo viên thể dục	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục	71,43	28,57	0,0	0,0	0,0
2	Giáo dục qua môn học	14,28	0,0	50,0	35,71	0,0
3	Giáo dục qua các hoạt động giáo dục	42,85	7,14	28,57	14,28	7,14
4	Giáo dục qua các hoạt động cộng đồng	50,0	7,14	21,42	21,42	0,0
5	Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục	14,28	14,28	42,85	21,42	7,14
6	Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	14,28	14,28	7,14	21,42	42,85

Bảng 4. Năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp của giáo viên thể dục (n = 14)

TT	Năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng	42,85	14,28	21,42	14,28	7,14
2	Tham gia hoạt động chính trị xã hội	85,71	35,71	14,28	0,0	0,0
3	Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện	42,85	21,42	21,42	14,28	0,0
4	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục	42,85	21,42	14,28	14,28	7,14

Đánh giá về năng lực giáo dục

Xây dựng các kế hoạch giảng dạy cũng như các hoạt động giáo dục cụ thể là một trong những năng lực rất cần thiết đối với người giáo viên nói chung và giáo viên thể dục nói riêng. Để có năng lực thiết kế kế hoạch giảng dạy, người giáo viên thể dục phải nghiên cứu kỹ mục tiêu nội dung chương trình bậc học, lớp học, đối tượng người học, điều kiện học tập và giảng dạy để từ đó lập ra "chiến lược" dạy học hoàn hảo. Các kế hoạch dạy học cần được xây dựng theo hướng tích hợp dạy học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh.

Kết quả phỏng vấn cho thấy kỹ năng xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục, kỹ năng giáo dục qua các hoạt động giáo dục, kỹ năng giáo dục qua các hoạt động cộng đồng của giáo viên thể dục còn yếu, cụ thể có 71,43%, 42,85 và 50% CBQL đánh giá giáo viên thể dục chưa đạt, như vậy có thể thấy giáo viên thể dục yếu về kỹ năng xây dựng kế

hoạch và tổ chức giáo dục thông qua các hoạt động chung của toàn trường.

Năng lực hoạt động chính trị, xã hội và năng lực phát triển nghề nghiệp

Ngoài công việc dạy học trên lớp ra thì giáo viên thể dục cũng cần phải biết phối hợp với gia đình và cộng đồng trong việc hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường. Ngoài ra giáo viên thể dục còn phải biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện về phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục.

Kết quả phỏng vấn cho thấy năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp của giáo viên thể dục còn hạn chế, cụ thể kỹ năng tham gia hoạt động chính trị xã hội có 85,71 CBQL đánh giá giáo viên thể dục chưa đạt, 3 kỹ năng còn lại CBQL cũng đánh giá không đạt với tỉ lệ từ 42,85%.

Năng lực đặc thù

Năng lực đặc thù là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân một cách chủ động nhằm thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn có ý nghĩa trong môi trường

hoặc tình huống cụ thể, đáp ứng yêu cầu hạn hẹp của một hoạt động. Đối với giáo viên thể dục thì năng lực đặc thù là dạy học theo chương trình quy định, thiết kế và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao cho học sinh, vì vậy việc đánh giá mức độ đạt được những năng lực đặc thù của giáo viên thể dục các tỉnh miền núi phía bắc sẽ giúp chúng tôi xác định được những điểm hạn chế của giáo viên từ đó xây dựng chuyên đề bồi dưỡng phù hợp với đối tượng là giáo viên thể dục các trường THPT [3].

Về năng lực đặc thù đa số CBQL đều cho rằng giáo viên thể dục đều chưa đạt (đánh giá từ 78% đến 100%) các kỹ năng trong năng lực trên. Kết quả trên cho thấy đa số giáo viên thể dục không thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn của mình, do đó khi đòi hỏi chương trình phổ thông các năng lực đặc thù trên cần được bồi dưỡng lại để nâng cao chất lượng giáo viên thể dục theo yêu cầu mới.

Bảng 5 Năng lực đặc thù của giáo viên thể dục (n = 14)

TT	Năng lực đặc thù	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, lập kế hoạch huấn luyện, tổ chức các giải thi đấu thể thao và công tác trong tài	78,00%	14,00	8,00	0,0	0,0
2	Kỹ năng đánh giá chương trình dạy học (tìm hiểu chương trình, viết chuyên đề)	100%	0,0	0,0	0,0	0,0
3	Kỹ năng thiết kế các dự án học tập Thể dục thể thao (TĐTT) cho học sinh	100%	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Kỹ năng thiết kế và tổ chức các diễn đàn TĐTT	100%	0,0	0,0	0,0	0,0

Kết quả phỏng vấn giáo viên thể dục về chuẩn năng lực nghề nghiệp của bản thân

Để có số liệu chính xác hơn trong việc đánh giá năng lực giáo viên thể dục các tỉnh miền núi phía Bắc chúng tôi tiến hành phỏng vấn trực tiếp giáo viên dạy thể dục ở các trường phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc, số phiếu phát ra 50, số phiếu thu về 50, số phiếu hợp lệ 50. Kết quả trình bày tại bảng 6.

Kết quả phỏng vấn về năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục

Kết quả phỏng vấn cho thấy 100% giáo viên thể dục tự đánh giá bản thân đạt từ mức 1 (biết sử dụng kỹ năng) trở lên đối với năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục.

Bảng 6. Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục của giáo viên thể dục (n = 50)

TT	Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Tìm hiểu đối tượng giáo dục	0,0	44,00	20,00	26,00	10,00
2	Tìm hiểu môi trường giáo dục	0,0	50,00	14,00	26,00	10,00

Kết quả phỏng vấn về năng lực dạy học và năng lực giáo dục

Dạy học là quá trình giáo viên truyền thụ kiến thức cho học sinh, điều khiển trí tuệ, nhận thức của học sinh, hướng dẫn cho học sinh học tập hình thành nên các kỹ năng. Giáo dục là hình thành ở học sinh động cơ, ý chí cũng như nhu cầu học tập cho từng học sinh trong những hoàn cảnh khác nhau. Do đó người giáo viên phải biết tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục từ đó đạt được hiệu quả giáo dục cao nhất [2].

Kết quả tự đánh giá về năng lực dạy học và giáo dục (bảng 7 và bảng 8) của giáo viên thể dục đều khẳng định bản thân còn yếu và hạn chế về năng lực này, nhất là những năng lực liên quan đến tổ chức hoạt động giáo dục.

Bảng 7. Kết quả phỏng vấn năng lực dạy học của giáo viên thể dục (n = 50)

TT	Năng lực dạy học	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Xây dựng kế hoạch dạy học	0,0	20,00	60,00	12,00	8,00
2	Đảm bảo kiến thức môn học	0,0	8,00	12,00	50,00	30,00
3	Đảm bảo chương trình môn học	0,0	6,00	32,00	48,00	14,00
4	Vận dụng các phương pháp dạy học	0,0	6,00	54,00	30,00	10,00
5	Sử dụng các phương tiện dạy học	0,0	0,0	6,00	20,00	74,00
6	Xây dựng môi trường học tập	0,0	6,00	54,00	30,00	10,00
7	Quản lý hồ sơ dạy học	0,0	60,00	20,00	12,00	8,00
8	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh	0,0	0,0	0,0	20,00	80,00

Bảng 8. Kết quả phỏng vấn năng lực giáo dục của giáo viên thể dục (n = 50)

TT	Năng lực giáo dục	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục	62,00	24,00	10,00	4,00	0,0
2	Giáo dục qua môn học	4,00	30,00	34,00	8,00	4,00
3	Giáo dục qua các hoạt động giáo dục	30,00	48,00	6,00	6,00	10,00
4	Giáo dục qua các hoạt động cộng đồng	54,00	44,00	26,00	0,0	0,0
5	Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục	6,00	20,00	54,00	8,00	12,00
6	Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	2,00	2,00	10,00	24,00	62,00

Kết quả phỏng vấn về năng lực hoạt động chính trị, xã hội và năng lực phát triển nghề nghiệp**Bảng 9. Kết quả phỏng vấn năng lực hoạt động chính trị, xã hội và năng lực phát triển nghề nghiệp của giáo viên thể dục (n = 50)**

TT	Năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng	64,00	2,00	24,00	6,00	4,00
2	Tham gia hoạt động chính trị xã hội	64,00	0,00	4,00	34,00	2,00
3	Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện	48,00	36,00	10,00	4,00	2,00
4	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục	56,00	30,00	10,00	4,00	0,00

Đối với năng lực hoạt động chính trị, xã hội cũng như phát triển nghề nghiệp số giáo viên thể dục tự đánh giá ở mức chưa đạt tỉ lệ từ 48% đến 64%. Như vậy có thể nhận thấy năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp của giáo viên thể dục khu vực miền núi phía Bắc còn hạn chế, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giáo dục của các nhà trường.

Bảng 10. Kết quả phỏng vấn năng lực đặc thù của giáo viên thể dục (n = 50)

TT	Năng lực đặc thù	Mức độ đạt được (%)				
		0	1	2	3	4
1	Kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, lập kế hoạch huấn luyện, tổ chức các giải thi đấu thể thao và công tác trọng tài	100%	0,0	0,0	0,0	0,0
2	Kỹ năng đánh giá chương trình dạy học (tìm hiểu chương trình, viết chuyên đề)	100%	0,0	0,0	0,0	0,0
3	Kỹ năng thiết kế các dự án học tập thể dục thể thao (TDDT) cho học sinh	100%	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Kỹ năng thiết kế và tổ chức các diễn đàn TDDT	100%	0,0	0,0	0,0	0,0

Tương tự kết quả phỏng vấn CBQL, 100% giáo viên tự đánh giá bản thân chưa đạt về năng lực đặc thù của giáo viên. Kết quả trên còn cho thấy giáo viên thể dục các tỉnh miền núi phía bắc ít nghiên cứu, trao đổi đề cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn, hơn nữa trong chương trình học trước đây có nhiều năng lực mà giáo viên thể dục chưa được học như: thiết kế tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá chương trình, thiết kế các dự án học tập TDĐT, tổ chức diễn đàn...

KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả phỏng vấn đánh giá năng lực giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc để tài lựa chọn những năng lực được nhiều CBQL và giáo viên thể dục đánh giá ở mức chưa đạt (mức 0) tỉ lệ từ 50% trở lên làm cơ sở để xây dựng hồ sơ năng lực bồi dưỡng giáo viên thể dục các trường trung học phổ thông các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường. Các năng lực và tiêu chí cụ thể là:

Năng lực giáo dục

- Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục
- Giáo dục qua các hoạt động công đồng

Năng lực hoạt động chính trị, xã hội và phát triển nghề nghiệp

- Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng.
- Tham gia hoạt động chính trị xã hội.
- Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

Năng lực đặc thù

- Thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, lập kế hoạch huấn luyện, tổ chức các giải thi đấu thể thao và công tác trọng tài.
- Đánh giá chương trình dạy học (tìm hiểu chương trình, viết chuyên đề TDĐT).
- Thiết kế các dự án học tập TDĐT cho học sinh.
- Thiết kế và tổ chức các diễn đàn TDĐT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Quyết định số 30/2009/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 10 năm 2009 về việc ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học*, "Chương II: Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học".
2. Phạm Hồng Quang (2011), "Giải pháp đổi mới chương trình giáo dục sư phạm và định hướng đổi mới giáo dục phổ thông", *Tạp chí Giáo dục*, số 255, kì I tháng 2, tr. 19 - 25.
3. Hà Quang Tiến (2015), "Tư duy mới trong quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục thể chất tại khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam", *Tạp chí Khoa học Thể thao*, số 03, tr. 16-20.

SUMMARY

TO BUILD CAPACITY PROFILES FOR TRAINING PHYSICAL EDUCATION TEACHERS IN UPPER SECONDARY SCHOOLS IN NORTHERN MOUNTAINOUS PROVINCES

Đỗ Thị Thái Thanh^{*}, Trương Tân Hưng, Đào Ngọc Anh
University of Education – TNU

Assessing the current professional competence of the Northern high school PE teachers is of extreme importance as they are at present required to be not only PE knowledgeable but also capable of solving educational situations, organizing physical activities, mobilizing different educational components, assessing students' abilities in all aspects as well as understanding well about the educational environment. The compiling of a competence profile for the Northern high school PE teachers would provide bases for the design of PE pre- and in-service teachers training, therefore enhancing the quality of PE at high schools in the area.

Keywords: Competence, skill, assessing, physical education (PE), PE teachers

Ngày nhận bài: 14/3/2017; Ngày phân biên: 31/3/2017, Ngày duyệt đăng: 28/6/2017

^{*} Tel: 0913346012, Email: thaitanh@dhsppn.edu.vn